

Số: /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày... tháng... năm 2026

DỰ THẢO LẦN 2

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung số 06/2026/QH16 một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026.. của Chính phủ quy định ...;

Căn cứ Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy ...;

Căn cứ Thông tư số ...;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số .../TTr-SNV ngày ... tháng ... năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và thay thế Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
 - Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ tỉnh;
 - Ban TĐKT Trung ương;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành của tỉnh;
 - UBND các xã, phường;
 - Đơn vị thành viên các cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh;
 - Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
 - Ban TĐKT tỉnh;
 - LĐVP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, NC.
- Huyenntt\TĐKT\Quyếtđinh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vương Quốc Tuấn

QUY ĐỊNH
Thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết thi hành khoản 4 khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28 của Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 3; điểm đ khoản 18; điểm b khoản 19; điểm b khoản 20; điểm d khoản 24; điểm b khoản 28; điểm b khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Quy định).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cá nhân, hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, tổ chức hợp pháp trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên; cá nhân, tập thể người Việt Nam ở nước ngoài; cá nhân, tổ chức hợp pháp nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Khi xét tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể phải căn cứ vào thành tích đạt được trong phong trào thi đua cá nhân, tập thể đó tham gia.

2. Khi xét khen thưởng cho cá nhân, tập thể phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn, thành tích đạt được. Xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý, phụ trách.

3. Người đứng đầu sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, ngoài việc khen thưởng theo thẩm quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị, trình khen thưởng cấp tỉnh khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương khen thưởng.

4. Cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Chỉ thị hoặc phục vụ Đại hội, hội nghị, hội thảo... thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền, không đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, trừ thành tích phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Đối tượng

- a) Tập thể là thành viên cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập;
- b) Tập thể tham gia phong trào thi đua chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động.

2. Tiêu chuẩn khen thưởng theo cụm, khối thi đua

Tập thể là thành viên cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm, là tập thể tiêu biểu, dẫn đầu cụm thi đua, khối thi đua; tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức đảng (nếu có) được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác;
- c) Thực hiện tốt quy định, quy chế của cụm, khối thi đua.

3. Tiêu chuẩn khen thưởng phong trào thi đua chuyên đề

Tập thể tham gia phong trào thi đua chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- b) Tiêu biểu dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 3 năm trở lên khi tổng kết phong trào và theo tiêu chuẩn cụ thể đối với từng phong trào do cơ quan thường trực thực hiện phong trào thi đua chuyên đề chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng

- a) Cấp tỉnh: Phòng, ban, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.
- b) Cấp xã: Phòng, ban, đơn vị, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp và tương đương thuộc cấp xã.
- c) Các doanh nghiệp trong khối thi đua trực thuộc tỉnh: Đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có con dấu và tài khoản.

2. Tiêu chuẩn

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- đ) Được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Điều 5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Đối tượng

- a) Các tập thể được quy định tại khoản 1 Điều 4 quy định này;
- b) Các đơn vị cấu thành của cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 quy định này.

2. Tiêu chuẩn

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 6. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để xét tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh;
- b) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- c) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;
- d) Tích cực tham gia các phong trào thi đua.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để xét tặng hằng năm cho công nhân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh;

b) Chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất; có ý thức tổ chức kỷ luật; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Tích cực tham gia các phong trào thi đua.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để xét tặng hằng năm cho nông dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

b) Có mô hình sản xuất hiệu quả.

Điều 7. Thi đua theo cụm thi đua, khối thi đua

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh; cụm, khối thi đua thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Các cụm thi đua, khối thi đua tổ chức và hoạt động theo Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị và cụm, khối thi đua quy định.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu khoa học và lĩnh vực khác hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trên địa bàn tỉnh;

c) Có nhiều thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trên địa bàn tỉnh;

d) Có 02 lần liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" hoặc có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

đ) Nông dân có mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên; tạo việc làm, có thu nhập ổn định cho từ 05 nông dân trở lên;

e) Công nhân, người lao động có nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc có nhiều đóng góp trong việc bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề hoặc có giải pháp, sáng kiến mang lại giá trị, hiệu quả kinh tế, hiệu quả công việc cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;

g) Doanh nhân, trí thức, nhà khoa học có thành tích đóng góp vào sự phát triển của địa phương được công nhận có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trên địa bàn tỉnh;

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị;

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét suy tôn trong cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh; khối thi đua doanh nghiệp trong các khu công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trên địa bàn tỉnh;

d) Có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

đ) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh;

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này và các tiêu chuẩn sau:

a) Có thời gian hoạt động ổn định theo quy định của pháp luật từ 02 năm liên tục trở lên;

b) Đảm bảo đời sống, việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; tích cực tham gia đóng góp các hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo; các phong trào thi đua do địa phương nơi doanh nghiệp đóng trên địa bàn phát động;

c) Thực hiện tốt quy định của pháp luật liên quan đến doanh nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt gia đình văn hóa và một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị cộng dồn trong năm tương đương từ 100 triệu đồng trở lên;

b) Có thành tích trong sản xuất kinh doanh, có mô hình phát triển kinh tế ổn định, tạo việc làm cho người lao động;

c) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức quốc tế làm việc tại Việt Nam có nhiều đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội hoặc có nhiều thành tích trong các hoạt động xã hội từ thiện, nhân đạo trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Giấy khen của Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã

1. Tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tham gia đầy đủ, tích cực phong trào thi đua và các hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Có sáng kiến, giải pháp, biện pháp được áp dụng hiệu quả tại đơn vị, địa phương hoặc có giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh;

c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương;

d) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo tại cơ quan, đơn vị, địa phương;

đ) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phát động hoặc triển khai thực hiện;

2. Tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hưởng ứng đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua; thực hiện tốt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

b) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phát động hoặc triển khai thực hiện.

3. Tặng cho hộ gia đình chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản, góp phần hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương; đạt gia đình văn hóa trở lên.

Điều 10. Các hình thức khen thưởng khác

Ngoài các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, tùy theo tình hình thực tiễn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp thực hiện gửi Thư khen, tặng Cờ lưu niệm, thưởng tiền, tặng quà, công nhận điển hình tiên tiến tiêu biểu và các hình thức động viên khác để kịp thời động viên các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác.

Chương IV

HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG

Điều 11. Thẩm quyền đề nghị khen thưởng

1. Khen thưởng cấp tỉnh theo cụm, khối thi đua hằng năm do đơn vị cụm trưởng, khối trưởng thay mặt cụm, khối thi đua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

a) Đối với các khối thi đua hợp tác xã do Liên minh Hợp tác xã tỉnh đề nghị khen thưởng.

b) Đối với khối thi đua doanh nghiệp trong các khu công nghiệp do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đề nghị khen thưởng.

2. Đối với tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

a) Đối với cấp tỉnh hồ sơ đề nghị khen thưởng trình qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh); đối với khen thưởng cấp xã hồ sơ đề nghị khen thưởng trình qua Phòng Văn hóa - Xã hội;

b) Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) xin ý kiến của các đơn vị có liên quan đối với các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh.

Điều 12. Quy định về lấy ý kiến để khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan về việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với đề nghị khen thưởng của doanh nghiệp và người đứng đầu doanh nghiệp khi đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh.

2. Khen thưởng đối ngoại: Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) lấy ý kiến hiệp ý của Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

3. Khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp ý khen thưởng của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh), trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được

văn bản (tính theo dấu bưu điện hoặc ngày văn thư nhận được văn bản điện tử), cơ quan, đơn vị, địa phương được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời gian quy định. Thủ trưởng cơ quan được xin ý kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời văn bản và nội dung được xin ý kiến. Trường hợp xin ý kiến mà cơ quan chức năng không cho ý kiến thì Sở Nội vụ trình khen thưởng theo quy định.

Điều 13. Việc công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc và các hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 14. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh

1. Khen thưởng cấp Nhà nước

- a) Hồ sơ trình trước ngày 31 tháng 3 hằng năm;
- b) Đối với hệ thống giáo dục quốc dân: Hồ sơ trình trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

2. Khen thưởng cấp tỉnh

- a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo công trạng:

Hồ sơ trình trước ngày 28 tháng 02 hằng năm;

Đối với hệ thống giáo dục quốc dân: Hồ sơ trình trước ngày 15 tháng 7 hằng năm.

- b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

Hồ sơ trình trước ngày 31 tháng 3 hằng năm;

Đối với hệ thống giáo dục quốc dân: Hồ sơ trình trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

3. Thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng cấp tỉnh

- a) Đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Trường hợp kết quả thẩm định của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) khác với đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương thì Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) phải thống nhất bằng văn bản với cơ quan, đơn vị, địa phương trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

- b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời gian 10 ngày làm việc, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thông báo bằng văn bản bổ sung, hoàn thiện hoặc trả lại hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng.

c) Trường hợp Sở Nội vụ đã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không quyết định khen thưởng thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc không khen thưởng, Sở Nội vụ thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng đến cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng.

d) Trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) cấp phát hiện vật khen thưởng cho cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng.

Điều 15. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Khi trình khen thưởng, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi bản giấy (01 bản chính) của hồ sơ khen thưởng về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, đồng thời gửi các tệp tin điện tử của hồ sơ khen thưởng đến Sở Nội vụ, trừ văn bản có nội dung bí mật Nhà nước. Các văn bản trong hồ sơ đề nghị khen thưởng có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai của cơ quan trực tiếp lập hồ sơ.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có thẩm quyền trình khen thưởng chịu trách nhiệm về hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm: hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung có liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất: Cơ quan, đơn vị, địa phương có tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất căn cứ quy định, tình hình thực tiễn và phạm vi ảnh hưởng, kịp thời hoàn thiện hồ sơ theo thủ tục đơn giản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tỷ lệ phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đủ điều kiện để đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng như sau: đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 90% trở lên; đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 80% trở lên; các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 70% trở lên.

5. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (các nội dung chi tiết của Tờ trình, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng thực hiện theo mẫu của Phụ lục I kèm theo Quyết định này)

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.

b) Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

c) Biên bản bình xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

6. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”,

“Tập thể lao động tiên tiến”, Giấy khen (các nội dung chi tiết của Tờ trình, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng thực hiện theo mẫu của Phụ lục I kèm theo Quyết định này)

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.

b) Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

c) Biên bản bình xét thi đua, khen thưởng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương.

Điều 16. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng, quản lý hiện vật khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý hiện vật khen thưởng; thống kê theo dõi các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp Nhà nước, cấp tỉnh; thực hiện nộp hồ sơ vào lưu trữ lịch sử và lưu trữ cơ quan theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý hiện vật khen thưởng; thống kê theo dõi các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền; thực hiện nộp hồ sơ vào lưu trữ lịch sử và lưu trữ cơ quan theo quy định.

3. Hồ sơ thi đua, khen thưởng được lưu trữ trên giấy và lưu trữ điện tử theo quy định hiện hành.

Điều 17. Kiểm tra

1. Sở Nội vụ tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng nhằm kịp thời bổ sung biện pháp nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh.

2. Các cụm, khối thi đua; cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt công tác kiểm tra việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 18. Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh chỉ cho công tác thi đua, khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh quản lý và sử dụng theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh chỉ cho công tác thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng quyết định và giao cho cơ quan quản lý quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Điều 19. Quy định việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc quyền quản lý

1. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định có liên quan.

2. Việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định của tỉnh.

Chương V

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 20. Tổ chức của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp gồm:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị cấu thành (có con dấu) của cơ quan, đơn vị.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (viết tắt là Hội đồng) tỉnh là cơ quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương

a) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng có không quá 03 Phó Chủ tịch. Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực. Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên Hội đồng; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

b) Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn: Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng. Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

4. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã, sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp mình để tham mưu, tư vấn về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý.

Chương VI

THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG; CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG

Điều 21. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình đề nghị hủy bỏ quyết định khen thưởng;
- b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

2. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, địa phương, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc tỉnh có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

4. Hồ sơ Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm theo hồ sơ được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền, cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khen thưởng;

2. Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định.

Điều 23. Cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đơn vị trình khen thưởng có trách nhiệm trình cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng và lập hồ sơ gửi về Sở Nội vụ, 01 bộ (bản chính), gồm:

- a) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.
- b) Hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi (đối với trường hợp đề nghị cấp đổi).
- c) Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân, hộ gia đình.

Các nội dung chi tiết của hồ sơ thực hiện theo mẫu của Phụ lục II kèm theo Quyết định này

2. Sở Nội vụ đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của đơn vị trình khen thưởng.

Điều 24. Cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ

trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại.
2. Hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi (đối với trường hợp đề nghị cấp đổi).
3. Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân, hộ gia đình.

Cơ quan, đơn vị, phòng Văn hóa - Xã hội đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo người có thẩm quyền quyết định khen thưởng xem xét, quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của đơn vị trình khen thưởng. Các nội dung chi tiết của hồ sơ thực hiện theo mẫu của Phụ lục III kèm theo Quyết định này

Điều 25. Điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đơn vị trình khen thưởng có trách nhiệm trình điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng và lập hồ sơ gửi về Sở Nội vụ (các nội dung chi tiết của hồ sơ thực hiện theo mẫu của Phụ lục III kèm theo Quyết định này) hồ sơ có 01 bộ (bản chính), gồm:

- a) Công văn đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng.
- b) Hiện vật xin điều chỉnh.

2. Sở Nội vụ đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh thông tin khen thưởng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của đơn vị trình khen thưởng.

Điều 26. Điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Công văn đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng (các nội dung chi tiết của hồ sơ thực hiện theo mẫu của Phụ lục III kèm theo Quyết định này).

2. Cơ quan, đơn vị, phòng Văn hóa - Xã hội đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo người có thẩm quyền quyết định khen thưởng xem xét, quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của đơn vị trình khen thưởng.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện quy định này.

2. Kịp thời phát hiện, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

3. Đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung của quy định; tuyên truyền, giới thiệu, biểu dương những nhân tố tích cực, gương người tốt, việc tốt tiêu biểu, điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua và các tập thể, cá nhân được khen thưởng.

4. Hằng năm xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, hội nghị tuyên truyền về thi đua, khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

5. Lấy ý kiến nhân dân về danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng Huân chương và danh hiệu vinh dự Nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên, Cổng Thông tin điện tử tỉnh,) ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản).

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Quy định này xây dựng quy định thi đua, khen thưởng của đơn vị theo thẩm quyền cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Cơ quan Thường trực phong trào thi đua chuyên đề chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu việc sơ kết, tổng kết phong trào.

3. Cơ quan, đơn vị, địa phương, các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo các văn bản mới ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.